

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP**

Hà Nội, tháng năm 2016

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Viglacera – CTCP (“**Điều lệ sửa đổi, bổ sung**”) này được các cổ đông của Tổng công ty Viglacera – Công ty cổ phần (CTCP) thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày tháng năm 2016.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều khoản

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Viglacera- CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 2 tháng 7 năm 2014 như sau:

1. Sửa đổi Điểm a; Điểm c, Điều 1. Giải thích từ ngữ như sau:

a) “Tổng công ty” là Tổng công ty Viglacera – CTCP, là loại hình công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan; Tổng công ty có tư cách pháp nhân.

c) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

2. Bổ sung điểm x, Điều 1. Giải thích từ ngữ như sau:

x) “Sở hữu gián tiếp” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ, vốn cổ phần của Tổng Công ty thông qua người có liên quan hoặc thông qua uỷ thác đầu tư.

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2; Khoản 4, Điều 2. Tên, biểu tượng, hình thức, trụ sở, người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty như sau:

2. Biểu tượng (Logo):



Theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 53703, được cấp theo Quyết định số A1359/QĐ-ĐK ngày 09 tháng 04 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 159026 được cấp theo Quyết định số 3334/QĐ-SHTT ngày 03 tháng 03 năm 2011. Theo đó, màu sắc Logo gồm: màu đỏ, xanh cô ban. Loại nhãn hiệu thông thường. Danh mục hàng hóa, dịch vụ (xếp loại theo phân loại quốc tế) gồm: nhóm 02, 11, 19, 35, 36, 37, 38, 39, 41,42 và 43.

5. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật duy nhất của Tổng công ty.

4. Bổ sung Điểm 19, Khoản 2, Điều 3. Mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh như sau:

2. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Mã ngành	Tên ngành
19		Các ngành, nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật

5. **Sửa đổi, bổ sung Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động như sau:**

Tổng công ty được phép tự do kinh doanh các ngành nghề pháp luật không cấm và Tổng công ty sẽ đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

6. **Sửa đổi, bổ sung câu đầu tiên Khoản 1; Khoản 2, Điều 6. Cổ phiếu, chứng nhận cổ phiếu như sau:**

1. Cổ phiếu cổ phần phổ thông của Tổng công ty có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp như sau:

2. Ngoài các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này, cổ phiếu ưu đãi (trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết) của Tổng công ty còn phải tuân theo các quy định tại Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp.

7. **Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông như sau:**

1. Tổng công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật về chứng khoán có liên quan.

8. **Sửa đổi, bổ sung Điểm d, Khoản 2, Điều 12. Cổ đông và quyền của cổ đông như sau:**

d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

9. **Sửa đổi, bổ sung Điểm e, Khoản 3, Điều 14. Đại hội đồng cổ đông như sau:**

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

10. **Sửa đổi, bổ sung Điểm b; Điểm c, Khoản 4, Điều 14. Đại hội đồng cổ đông như sau:**

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a, Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b, Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

11. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

12. Sửa đổi, bổ sung Điểm n và xóa bỏ Điểm p, Khoản 2, Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông như sau:

n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Tổng công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

13. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1; Khoản 2, Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những

đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

14. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông như sau:

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, cổ đông nào (ngoài những người nêu trên) có số cổ phần cao nhất có làm chủ tọa cuộc họp.

15. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1; Khoản 2, Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông như sau:

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

a) Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tổng công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

d) Các vấn đề khác thuộc quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại, thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty, việc tổ chức lại hay giải thể Tổng công ty, giá trị đầu tư các dự án, giao dịch mua, bán tài sản Tổng công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Tổng công ty được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

16. Sửa đổi, bổ sung Khoản 8, Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông như sau:

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền

biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông như sau:

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh có chữ ký xác nhận của chủ tọa đại hội và thư ký đại hội, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Các bản ghi chép, biên bản, chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

18. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2; Khoản 5, Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

2. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Luật Doanh nghiệp;

b) Là (i) cổ đông hoặc cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty trong thời gian liên tục 06 (sáu) tháng trở lên, (ii) hoặc cổ đông sở hữu ít hơn 5% tổng số cổ phần của Tổng công ty (iii) hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ của Tổng công ty.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở

hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

19. Sửa đổi, bổ sung Mục x, xóa bỏ Mục xii, Điểm a, Khoản 3, Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị như sau:

(x) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Tổng công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

20. Sửa đổi, bổ sung Mục xiv, Điểm b, Khoản 3, Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị như sau:

(xiv) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

21. Sửa đổi, bổ sung Điểm c, Khoản 4, Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị như sau:

c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, đầu tư công ty và liên doanh);

22. Sửa đổi, bổ sung Khoản 8, Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị như sau:

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

23. Sửa đổi, bổ sung câu đầu tiên; Khoản 1, Điều 34. Ban kiểm soát như sau:

1. Tổng công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 163 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

24. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1; Khoản 2; Khoản 6, Điều 35 như sau:

1. Ban kiểm soát Tổng công ty có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay kiểm toán viên hành nghề của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty. Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;
- d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

6. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.

25. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4; Khoản 5; Khoản 6, Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi như sau:

4. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 của Luật doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền

biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

Điều 2. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ sửa đổi, bổ sung này được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Viglacera - CTCP nhất trí thông qua ngày tháng năm 2016 tại Hà Nội và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

2. Điều lệ sửa đổi, bổ sung này được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a) 01 (một) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b) 05 (năm) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
- c) 04 (bốn) bản lưu trữ tại Văn phòng Tổng công ty.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn